

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC & NỘI THẤT TP.DESIGN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC & NỘI THẤT TP.DESIGN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TP.DESIGN VIET NAM INTERIOR & ARCHITECTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TP.DESIGN VIA., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108989692

3. Ngày thành lập: 15/11/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 81 Khu 3, Thị Trấn Tràm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
2.	Xây dựng nhà để ở	4101
3.	Xây dựng nhà không để ở	4102
4.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
5.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6.	Xây dựng công trình điện	4221
7.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
9.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
10.	Xây dựng công trình thủy	4291
11.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
12.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
14.	Phá dỡ	4311
15.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
16.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
18.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Hệ thống đèn chiếu sáng.	4329
19.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

20.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Thi công xây dựng công trình; - Thi công nội thất công trình	4390
21.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động của đấu giá viên)	4610
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
23.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
24.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;	4659
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác	4663
28.	Bán buôn tổng hợp	4690
29.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4719
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: - Bán lẻ rượu - Hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ	4723
31.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4730
32.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4741
33.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4752
34.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4753
35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4759
36.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)	4764

37.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ dầu hỏa, bình gas, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình; - Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao - Hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ	4773
38.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
39.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ	4799
40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
42.	Bốc xếp hàng hóa	5224
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ; - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển, giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Logistics; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay.	5229
44.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà trọ	5510
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
46.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; - Lập quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thi công xây dựng công trình; - Giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP)	7110(Chính)
47.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
48.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo pháp luật cấm kinh doanh; không đập, cắt, gò, hàn, sơn bảng hiệu quảng cáo tại trụ sở)	7310

49.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất	7410
50.	Đại lý du lịch	7911
51.	Điều hành tua du lịch	7912
52.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
53.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động hợp báo)	8230
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 - Luật thương mại năm 2005)	8299

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	Thôn Nam Bản, Xã Tân Phong, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	175.000	1.750.000.000	35,000	135450926	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	175.000	1.750.000.000	35,000		

2	ĐỖ PHÚ TIẾN	Khu 7, Thị trấn Tràm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	162.500	1.625.000.000	32,500	112342480
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	162.500	1.625.000.000	32,500	
3	NGUYỄN BÁ TÁ	Khu 3, Thị trấn Tràm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	162.500	1.625.000.000	32,500	112342428
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	162.500	1.625.000.000	32,500	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN NGỌC PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/03/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 135450926

Ngày cấp: 08/05/2007

Nơi cấp: Công an Tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nam Bản, Xã Tân Phong, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Nam Bản, Xã Tân Phong, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội